

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **16** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **28** tháng **02** năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-STNMT ngày 01/4/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị;*

*Căn cứ Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo ĐTM dự án: Mở rộng lưu vực bổ sung nước cho công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị và vùng hạ du;*

*Căn cứ Văn bản số 448/STNMT-CCBVMT ngày 01/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở: Công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị”;*

*Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 205/TĐQT-KTAT ngày 06/02/2024 của Công ty Thủy điện Quảng Trị;*

*Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 643/TTr-STNMT ngày 26/02/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Thủy điện Quảng Trị thuộc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Phát điện 2, địa chỉ tại Khu phố 8, phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị với các nội dung như sau:



## 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: Các xã Hướng Linh, Hướng Sơn, Hướng Tân, Tân Hợp, Hướng Phùng, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800590430-003 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24/4/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị cấp.

1.4. Mã số thuế: 1800590430-003.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Điều tiết lưu lượng dòng chảy để bổ sung nước tưới; cấp nước sinh hoạt; giảm lũ cho hạ du; cung cấp điện lưới Quốc gia.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

1.6.1. Phạm vi, quy mô của Cơ sở:

*\* Các hạng mục công trình đã đầu tư của Cơ sở*

- Hồ chứa lòng hồ mở rộng: Diện tích lòng hồ ứng với mực nước dâng bình thường là  $0,431\text{km}^2$ . Dung tích toàn bộ là  $1,96 \times 10^6 \text{m}^3$ . Dòng chảy trung bình năm là  $1,52 \text{m}^3/\text{s}$ .

- Đường hầm áp lực (Tuyến năng lượng), tháp điều áp và nhà van: đường hầm dẫn nước chính có chiều dài 5.668,5m. Tháp điều áp cao trình đỉnh 510m. Đường ống áp lực dài 647,4m.

- Nhà máy thủy điện: tổng công suất 64MW, gồm 2 tổ máy; Sản lượng điện trung bình hàng năm là  $247,4 \cdot 10^6 \text{KWh}$ .

- Trạm biến áp 110kV, đường dây truyền tải điện 110kV; Nhà ở chuyên gia.

*\* Đối với hoạt động nạo vét tại các khu vực bồi lắng khu vực hồ chứa*

(1). Nạo vét tại các khu vực bồi lắng ảnh hưởng đến dung tích hữu ích hồ chứa công trình, kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét theo hình thức xã hội hóa tại các vị trí đầu nguồn hồ chứa:

Diện tích thực hiện  $280.365 \text{m}^2$ . Tổng khối lượng sản phẩm thu hồi là  $1.038.258,0 \text{m}^3$  gồm: Khối lượng thanh thải:  $9.222,0 \text{m}^3$ ; Khối lượng cát thu hồi làm vật liệu xây dựng thông thường:  $1.029.036,0 \text{m}^3$ .

(2). Đối với việc nạo vét định kỳ khác của Cơ sở:

+ Khối lượng phù sa bồi lắng sau 14 năm vận hành là 8,68 triệu  $\text{m}^3$ , trung bình mỗi năm khối lượng bồi lắng là khoảng  $620.000 \text{m}^3/\text{năm}$ . Lượng bùn cát bồi lắng tại cửa lấy nước khoảng  $30.000-50.000 \text{m}^3/\text{hàng năm}$ .

+ Trước khi thực hiện các hoạt động nạo vét định kỳ, Công ty Thủy điện Quảng Trị thực hiện khảo sát, đánh giá và lập phương án cụ thể trình UBND tỉnh xem xét theo các quy định pháp luật có liên quan trước khi thực hiện.



- Diện tích sử dụng đất của Cơ sở là 267.366 m<sup>2</sup>, quy mô các hạng mục như sau:

TT	Tên công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị</b>	<b>1.141.152</b>
1	Khu đầu mối (hồ chứa, đập dâng, đập tràn, cửa nhận nước)	901.081
2	Tuyến năng lượng và nhà máy phát điện (tuyến đường ống dẫn nước, nhà máy phát điện, trạm biến áp)	218.890
3	Nhà điều hành sản xuất	21.181
<b>II</b>	<b>Công trình: Mở rộng lưu vực bổ sung nước cho công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị và vùng hạ du</b>	<b>207.565</b>
1	Văn phòng điều hành tại công trường	1.425
2	Đập dâng và đập tràn	157.379
3	Kênh dẫn nước	43.939
4	Cửa ra hầm dẫn nước	4.822

- Công suất của cơ sở:

+ Điều tiết lưu lượng dòng chảy để bổ sung nước tưới cho tưới (thông qua hệ thống Thủy lợi Nam Thạch Hãn ở hạ lưu);

+ Cấp nước sinh hoạt cho hạ du thông qua việc bổ sung nước cho công trình thủy lợi Nam Thạch Hãn và các công trình ven sông;

+ Giảm lũ cho hạ du (với dung tích phòng lũ trên 30 triệu m<sup>3</sup>).

+ Phát điện với sản lượng điện trung bình năm khoảng 247,4.10<sup>6</sup> KWh và hoà vào lưới điện Quốc gia.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về BVMT kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Thủy điện Quảng Trị có trách nhiệm:



2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28 tháng 02 năm 2024 đến ngày 28 tháng 02 năm 2034).

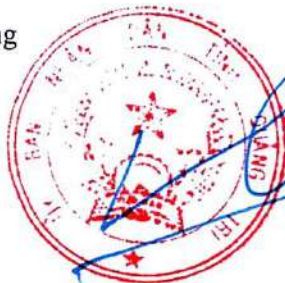
Đối với hoạt động nạo vét tại các khu vực bồi lắng khu vực hồ chứa, thời gian thực hiện theo đúng các giấy phép liên quan, nhưng không vượt quá thời gian nêu trên.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở theo quy định của pháp luật. / *th*

**Nơi nhận:**

- Công ty Thủy điện Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCTTT Hà Sỹ Đồng;
- Các Sở: TN&MT, Công Thương, NN&PTNT;
- UBND huyện Hướng Hóa;
- UBND các xã: Hướng Linh, Hướng Sơn, Hướng Tân, Tân Hợp, Hướng Phùng, TT. Khe Sanh;
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Phát điện 2;
- Công ty TNHH Khoáng sản H&H;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Th) . *th*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Sỹ Đồng**



**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
**Cơ sở: Công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **16** /GPMT-UBND ngày **28/02/2024** của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

### **1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên từ các nhà vệ sinh khu vực Nhà quản lý vận hành.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực Nhà máy thủy điện.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực Trạm biến áp.
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình vệ sinh tổ máy, tua bin, nước rò rỉ từ Nhà máy thủy điện.
- Nguồn số 05: Nước thải từ bãi chứa vật liệu số 1 từ quá trình nạo vét (theo phương án nạo vét của Công ty TNHH Khoáng sản H&H).
- Nguồn số 06: Nước thải từ bãi chứa vật liệu số 2 từ quá trình nạo vét (theo phương án nạo vét của Công ty TNHH Khoáng sản H&H).
- Nguồn số 07: Nước thải từ bãi chứa vật liệu số 3 từ quá trình nạo vét (theo phương án nạo vét định kỳ của nhận nước dự kiến của Công ty Thủy điện Quảng Trị).
- Nguồn số 08: Nước thải từ bãi chứa vật liệu số 4 từ quá trình nạo vét (theo phương án nạo vét định kỳ của nhận nước dự kiến của Công ty Thủy điện Quảng Trị).

### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

#### **2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng nước thải số 01 (Tương ứng với nguồn thải số 01): Nước thải sinh hoạt tại khu vực Nhà quản lý vận hành, sau xử lý được thẩm ra môi trường đất.
- Dòng nước thải số 02 (Tương ứng với nguồn thải số 02): Nước thải sinh hoạt tại khu vực Nhà máy thủy điện, sau xử lý được thẩm ra môi trường đất.
- Dòng nước thải số 03 (tương ứng với nguồn thải số 03): Nước thải sinh hoạt tại khu vực Trạm biến áp sau xử lý được thẩm ra môi trường đất.
- Dòng nước thải số 04 (tương ứng với nguồn thải số 04): Nước thải từ quá trình vệ sinh tổ máy, tua bin, nước rò rỉ từ nhà máy qua thiết bị trích ly, tách dầu mỡ được bơm theo đường ống PVC Ø60 chảy ra môi trường (sông Rào Quán) phía hạ lưu Nhà máy thủy điện.



- Dòng nước thải số 05 (tương ứng với nguồn thải số 05): Nước thải từ bãi chứa vật liệu nạo vét số 01 được thu gom, dẫn theo các rãnh bao quanh khu vực bãi, dẫn về hồ lắng 2 ngăn để lắng cặn lơ lửng, tách bỏ rác trước khi chảy ra môi trường.

- Dòng nước thải số 06 (tương ứng với nguồn thải số 06): Nước thải từ bãi chứa vật liệu nạo vét số 02 được thu gom, dẫn theo các rãnh bao quanh khu vực bãi, dẫn về hồ lắng 2 ngăn để lắng cặn lơ lửng, tách bỏ rác trước khi chảy ra môi trường.

- Dòng nước thải số 07 (tương ứng với nguồn thải số 07): Nước thải từ bãi chứa vật liệu nạo vét được thu gom, dẫn theo các rãnh bao quanh khu vực bãi, dẫn về hồ lắng 2 ngăn để lắng cặn lơ lửng, tách bỏ rác trước khi chảy ra môi trường.

- Dòng nước thải số 08 (tương ứng với nguồn thải số 08): Nước thải từ bãi chứa vật liệu nạo vét được thu gom, dẫn theo các rãnh bao quanh khu vực bãi, dẫn về hồ lắng 2 ngăn để lắng cặn lơ lửng, tách bỏ rác trước khi chảy ra môi trường.

## **2.2. Vị trí xả nước thải**

- Dòng nước thải số 01: Nước thải thấm ra môi trường, tại góc phía Đông Nam khu vực Nhà quản lý vận hành tại thị trấn Khe Sanh. Tọa độ: X: 1.840.515m; Y: 551.369m.

- Dòng nước thải số 02: Nước thải thấm ra môi trường, tại góc phía Tây Bắc của Nhà máy thủy điện tại xã Tân Hợp. Tọa độ: X: 1.841.554m; Y: 552.676m.

- Dòng nước thải số 03: Nước thải thấm ra môi trường, tại góc phía Bắc của Nhà Trạm biến áp tại xã Tân Hợp. Tọa độ: X: 1.841.661m; Y: 551.872m.

- Dòng nước thải số 04: Nước thải chảy ra môi trường (sông Rào Quán) phía hạ lưu Nhà máy thủy điện, góc phía Đông Nam của Nhà máy thủy điện Quảng Trị tại xã Tân Hợp. Tọa độ: X: 1.841.566m, Y: 552.715m.

- Dòng nước thải số 05: Bãi chứa vật liệu nạo vét tạm số 01 (trong khu vực lòng hồ) tại xã Hướng Linh. Tọa độ: X: 1.845.901m, Y: 547.036m.

- Dòng nước thải số 06: Bãi chứa vật liệu nạo vét tạm số 02 (trong khu vực lòng hồ) tại xã Hướng Linh. Tọa độ: X: 1.845.589m, Y: 547.326m

- Dòng nước thải số 07: Bãi chứa vật liệu nạo vét tạm số 03 (trong khu vực lòng hồ) tại xã Hướng Linh. Tọa độ: X: 1.845.364m, Y: 547.579m.

- Dòng nước thải số 08: Bãi chứa vật liệu nạo vét tạm số 04 (trong khu vực lòng hồ) tại xã Hướng Linh. Tọa độ: X: 1.845.261m, Y: 547.673m

*(Hệ tọa độ VN2000, KTT 160<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).*

## **2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:**

- Dòng thải số 01, 02, 03: 5,4 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Dòng thải số 04: 2,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Dòng thải số 05, 06, 07, 08: 50 m<sup>3</sup>/ngày (Phát sinh trong thời gian thực hiện bơm hút vật liệu nạo vét).



### 2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01, 02, 03: Nước thải sau xử lý được thấm vào môi trường đất.

- Dòng nước thải số 04: Nước thải chảy ra môi trường (sông Rào Quán) phía hạ lưu Nhà máy thủy điện, góc phía Đông Nam của Nhà máy thủy điện Quảng Trị theo hình thức gián đoạn

- Dòng nước thải số 05, 06, 07, 08: Nước thải từ các bãi chứa vật liệu nạo vét chảy ra môi trường theo hình thức gián đoạn.

### 2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01, 02, 03: Xả thải liên tục trong ngày (24 giờ).

- Dòng nước thải số 04: Xả thải gián đoạn trong ngày.

- Dòng nước thải số 05, 06, 07, 08: Xả thải khi thực hiện bơm hút vật liệu nạo vét hoặc khi trời mưa.

### 2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Dòng thải số 01, 02, 03: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

- Dòng thải số 04: Nước thải của Cơ sở sau khi xử lý tách dầu mỡ tại thiết bị trích ly, phần nước trong sau khi tách dầu được bơm theo đường ống PVC

Ø60 chảy ra môi trường (sông Rào Quán) phía hạ lưu Nhà máy đảm bảo đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT ( $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,2$ ). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kì	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/l	108		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	54		
4	COD	mg/l	162		
5	Tổng Nitơ	mg/l	43,2		
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48		
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		
8	Coliform	MPN/100ml	5.000		

- Dòng thải số 05, 06, 07, 08: Nước thải từ các bãi chứa vật liệu nạo vét được thu gom, dẫn theo các rãnh bao quanh khu vực bãi, dẫn về hồ lắng 2 ngăn để lắng cặn lơ lửng, tách bỏ cát, rác trước khi chảy ra môi trường đảm bảo đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT ( $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,2$ ). Các chất ô nhiễm theo dòng nước thải từ các bãi chứa như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	06 tháng/lần	Không áp dụng
2	Tổng chất rắn lơ lửng(TSS)	mg/l	108		
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước thải của Nhà máy thủy điện phát sinh từ quá trình vệ sinh tổ máy, tuabin, nước rỉ từ các thiết bị, nước vệ sinh sàn... có chứa thành phần dầu mỡ thải được thu gom bằng các rãnh tại các khu vực về 01 bể thu dầu 02 ngăn đặt chìm với tổng thể tích 70m<sup>3</sup>, kích thước mỗi ngăn: 2,5m × 2,0m × 5,0m; bố trí 02 máy bơm chìm tại hồ thu để bơm toàn bộ nước lẫn dầu lên hệ thống tách dầu.

- Nước thải từ bãi chứa sản phẩm từ quá trình nạo vét: Tạo rãnh thu gom nước mưa bằng đất bao quanh các bãi, dẫn về bể lắng.

- Đối với nước thải sinh hoạt:



+ Đối với nước thải vệ sinh đen: Toàn bộ nước thải vệ sinh đen từ bồn cầu, bồn tiêu được thu gom bằng ống PVC D110, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn rồi tự thấm vào môi trường đất.

+ Đối với nước thải xám: bao gồm nước thải tắm, giặt, rửa tay chân... được thu gom bằng ống PVC D76 từ nhà vệ sinh dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý tại mỗi khu vực trước khi thải ra môi trường.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Quy trình lọc dầu lẫn nước như sau: Dầu rơi vãi lẫn trong nước rò rỉ được bơm lên bể có dung tích 140m<sup>3</sup> ở cao trình 113m, sau đó được dẫn vào hệ thống lọc dầu lẫn nước: Dầu lẫn nước tại bể lọc 1 được khuấy sau đó đưa sang bể lọc 2 (có hỗn hợp hạt óc chó, cát), lớp dầu trên mặt được gạt, sau đó nước được xả xuống hạ du.

+ Phần dầu tách được cùng với dầu thải từ quá trình sửa chữa máy móc, thiết bị được lưu chứa tại bồn chứa có thể tích 20m<sup>3</sup> và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đưa đi xử lý (khoảng 6 tháng/lần).

+ Nước sạch sau khi đã tách dầu đảm bảo cột B của QCVN 40:2011/BTNMT ( $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,2$ ) được bơm tự động chảy ra sông Rào Quán phía hạ lưu nhà máy theo đường ống PVC Ø60.

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Đối với nước thải vệ sinh đen: Toàn bộ nước thải vệ sinh đen từ Nhà vệ sinh được thu gom bằng ống PVC D110, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn rồi tự thấm vào môi trường đất. Phần bùn cặn, định kỳ 3-5 năm/lần thực hiện hút bỏ, xử lý theo quy định. Số lượng, thể tích bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi khu vực như sau: Nhà máy thủy điện: 01 bể (thể tích 10m<sup>3</sup>); Nhà quản lý vận hành: 02 bể, tại khu vực hội trường 01 bể, 12 bể tại các khu vực nhà nghỉ của cán bộ, nhân viên (thể tích 5m<sup>3</sup>/bể), 02 bể tại khu nhà làm việc giao ban (10m<sup>3</sup>/bể); Trạm biến áp 110kV: 01 bể (thể tích 5m<sup>3</sup>); Nhà vận hành đập tràn 01 bể.

+ Đối với nước thải xám: bao gồm nước thải tắm, giặt, rửa tay chân... được thu gom bằng ống PVC D76 từ nhà vệ sinh dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý tại mỗi khu vực trước khi thải ra môi trường.

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B,  $K=1,2$ ).

- Đối với nước thải từ bãi chứa sản phẩm từ quá trình nạo vét:

+ Tạo rãnh thu gom nước mưa bao quanh các bãi, dẫn về bể lắng.

+ Xây dựng tại mỗi bãi tập kết 01 hồ lắng 2 ngăn, kích thước: 10m × 10m × 1,5m để lắng chất lơ lửng trước khi chảy ra môi trường.

+ Nước thải sau khi lắng cặn lơ lửng, tách bỏ rác trước khi chảy ra môi trường đảm bảo đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT ( $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,2$ ).



### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2020 của Chính phủ.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Cơ sở có các hạng mục xử lý môi trường đã vận hành từ năm 2019, công trình xử lý môi trường là công trình bê tông nên Cơ sở không có các công trình xử lý cần vận hành thử nghiệm theo quy định tại điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2020 của Chính phủ.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở (nước có nguy cơ nhiễm dầu) đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia nước thải công nghiệp (cột B,  $K_p=0,9$ ;  $K_f = 1,2$ ) trước khi thoát ra môi trường (sông Rào Quán).

3.2. Có kế hoạch đầu tư bổ sung hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại Khu Nhà quản lý vận hành tại thị trấn Khe Sanh nhằm đảm bảo nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B,  $K=1,2$ ).

3.3. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn nước thải trong phạm vi cơ sở, có thỏa thuận văn bản cụ thể để làm rõ trách nhiệm thực hiện của các đơn vị phối hợp nạo vét tại các khu vực bồi lắng trong phạm vi lòng hồ.

3.4. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**Cơ sở: Công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **16** /GPMT-UBND ngày **28** / **02**/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

### **1. Nguồn phát sinh khí thải**

Tại khu vực các bãi chứa vật liệu nạo vét lòng hồ thủy điện.

- Nguồn thải bụi số 01: Bụi phát sinh từ bãi chứa vật liệu số 01.
- Nguồn thải bụi số 02: Bụi phát sinh từ bãi chứa vật liệu số 02.
- Nguồn thải bụi số 03: Bụi phát sinh từ bãi chứa vật liệu số 03.
- Nguồn thải bụi số 04: Bụi phát sinh từ các bãi chứa vật liệu 04.

### **2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

#### **2.1. Vị trí xả khí thải**

- Vị trí: Tại khu vực bãi chứa vật liệu nạo vét, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa;
- + Vị trí 1: Bãi chứa vật liệu nạo vét số 01. Tọa độ: X: 1.845.804m; Y=546.926m.
- + Vị trí 2: Bãi chứa vật liệu nạo vét số 02. Tọa độ: X: 1.845.582m; Y=547.234m.
- + Vị trí 3: Bãi chứa vật liệu nạo vét số 03. Tọa độ: X: 1.845.384m; Y=547.600m.
- + Vị trí 4: Bãi chứa vật liệu nạo vét số 04. Tọa độ: X: 1.845.261m; Y=547.720m.

(Hệ tọa độ VN2000, KKT:  $106^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

#### **2.2. Lưu lượng phát sinh lớn nhất**

Do tính chất đặc thù của dự án là khai thác đất, đá, sỏi, do đó nguồn và lưu lượng phát sinh khí thải phân tán, không cố định, phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thời gian làm việc, lượng máy móc, thiết bị được vận hành tại các thời điểm nạo vét nên không tính toán được lưu lượng xả thải của dòng khí chứa bụi.

**2.2.1. Phương thức xả thải:** Nguồn thải phân tán

**2.2.2. Nguồn tiếp nhận khí thải:**

Nguồn tiếp nhận là môi trường không khí trong và xung quanh khuôn viên bãi chứa vật liệu nạo vét.

**2.2.3. Chất lượng xả ra môi trường:**

Đặc trưng nguồn thải dạng phân tán, phát tán trong khoảng không gian rộng ở môi trường bên ngoài trời nên không áp dụng quy chuẩn xả khí thải công nghiệp. Với đặc trưng các nguồn thải nêu trên và quá trình thực hiện của dự án thì chất ô nhiễm phát sinh chủ yếu là bụi.



Áp dụng cho nơi làm việc của công nhân thì giới hạn bụi áp dụng theo QCVN 02:2019/BYT: QCKTQG về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc - Giá trị so sánh bụi vô cơ và hữu cơ không có quy định khác đối với giá trị giới hạn tiếp xúc tối đa cho phép bụi không chứa silic tại nơi làm việc. Cụ thể giá trị giới hạn phát sinh bụi như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (Trung bình 8 h)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	8	06 tháng/lần tại 04 bãi tập kết vật liệu

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

#### 1.1. Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở

- Thường xuyên vệ sinh sân bãi để hạn chế việc phát tán bụi do gió.
- Thực hiện phân loại CTR tại nguồn và dọn dẹp hàng ngày, không để lâu tránh hiện tượng phân huỷ, tạo mùi hôi khó chịu. Hợp đồng với Trung tâm môi trường và đô thị huyện Hướng Hoá để đưa đi xử lý (tần suất 01 tuần/lần).
- Chăm sóc cây xanh xung quanh tạo cảnh quan và điều hoà vi khí hậu.
- CBCNV làm việc tại nhà máy được trang bị tốt các phương tiện bảo hộ lao động như khẩu trang, quần áo, găng tay, hạn chế tác động của mùi hôi đến sức khỏe.

#### 1.2. Đối với bụi, khí thải phát sinh do hoạt động nạo vét lòng hồ

\* Đối với hoạt động nạo vét:

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: mũ, khẩu trang, kính mắt, quần áo bảo hộ...
- Các máy móc thi công sẽ bố trí khoảng cách và thời gian hoạt động hợp lý nhằm giảm nồng độ các chất ô nhiễm không khí trong công trường làm việc.
- Bố trí lịch trình nạo vét hợp lý, không nạo vét vào buổi tối (từ 18h đến 6h sáng hôm sau) thời gian nghỉ ngơi của người dân.
- Bố trí các bảng cấm và chỉ dẫn tại khu vực nạo vét và tuyến đường vào khu vực để người dân biết tránh các khu vực đang nạo vét;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị.
- Chỉ sử dụng các phương tiện máy móc nạo vét đã được đăng kiểm, không sử dụng các loại máy móc cũ có khả năng gây ô nhiễm cao.

\* Đối với các bãi tập kết sản phẩm nạo vét

- Tưới phun ẩm đoạn đường ra vào khu vực bãi tập kết với tần suất 4 lần/ngày vào những ngày khô nắng.
- Tưới phun ẩm vật liệu khu vực bốc xúc để giảm thiểu bụi phát sinh do gió.



- Rửa bánh xe, thùng xe vận chuyển để giảm phát sinh bụi trong quá trình vận chuyển.

- Các máy móc, thiết bị được lựa chọn loại có đăng ký của cơ quan chức năng để giảm thiểu khí thải trong quá trình hoạt động.

### ***1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:***

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2020 của Chính phủ.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Cơ sở không có các công trình xử lý cần vận hành thử nghiệm theo quy định tại điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2020 của Chính phủ.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Các nguồn phát sinh khí thải phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại phần A phụ lục này.

3.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn khí thải trong phạm vi cơ sở, có thỏa thuận văn bản cụ thể để làm rõ trách nhiệm thực hiện của các đơn vị phối hợp nạo vét tại các khu vực bồi lắng trong phạm vi lòng hồ.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Cơ sở: Công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 16 /GPMT-UBND ngày 28 / 02/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Hệ thống quạt làm mát của máy biến áp tại Nhà máy;
- Nguồn số 02: Hệ thống của máy móc, tuabin bên trong Nhà máy.
- Nguồn số 03: Hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực nạo vét tại các vị trí đầu nguồn hồ chứa và bãi tập kết.
- Nguồn số 04: Hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực nạo vét định kỳ khác trong phạm vi lòng hồ và bãi tập kết.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Hệ thống quạt làm mát của máy biến áp tại Nhà máy. Tọa độ: X: 1.841.549m; Y=552.698m.
- Nguồn số 02: Hệ thống của máy móc, tuabin bên trong Nhà máy. Tọa độ: X: 1.841.549m; Y=552.695m.
- Nguồn số 03: Khu vực nạo vét tại các vị trí đầu nguồn hồ chứa và bãi tập kết.
- Nguồn số 04: Khu vực nạo vét định kỳ khác trong phạm vi lòng hồ và bãi tập kết.

*(Hệ tọa độ VN2000, KTT 106°15', múi chiếu 3°)*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:**

Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung:

Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ	Vị trí quan trắc
Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	06 tháng/lần	Nhà điều hành nhà máy; Các bãi tập kết vật liệu nạo vét
Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	06 tháng/lần	

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp như sau:

+ 02 tổ máy tuabin được đặt âm dưới mặt đất nên sẽ giảm thiểu được các tác động của tiếng ồn và sóng hạ âm tới người dân;

+ Các thiết bị máy móc có tiếng ồn thấp và không phát ra sóng hạ âm để giảm thiểu làm ảnh hưởng đến người dân và các loài động vật nuôi, động vật hoang dã trong vùng;

+ Định kỳ 6 tháng/1lần kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các cơ cấu truyền động...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất, giảm thiểu tiếng ồn cũng như độ rung;

- Công nhân làm việc ở những khu vực có độ ồn cao như ở tuabin được trang bị thêm các thiết bị giảm ồn như nút tai, bịt tai...

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý trong các khu vực có tiếng ồn cao nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi cơ sở, có thỏa thuận văn bản cụ thể để làm rõ trách nhiệm thực hiện của các đơn vị phối hợp nạo vét tại các khu vực bồi lắng trong phạm vi lòng hồ.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

**Cơ sở: Công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **16** /GPMT-UBND ngày **28** / **02** /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

## A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

#### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Chủng loại	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh tối đa (kg/năm)
1	Dầu thủy lực	Lỏng	17.01.07	1.620
2	Giẻ lau thấm dầu	Rắn	18.02.01	60
3	Hộp mực in thải từ hoạt động văn phòng	Rắn	08.02.04	12
4	Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng	Rắn	10.01.06	37
5	Vi mạch điện tử	Rắn	16.01.13	3
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19.06.01	6.668
7	Dầu máy biến áp tại Nhà máy thủy điện	Lỏng	17.03.05	320

Tổng khối lượng: CTNH ước tính phát sinh khoảng 8.400 kg/năm.

#### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

- CTR là xác thực vật ở lưới chắn rác: Lượng CTR này phát sinh không thường xuyên và tùy theo mùa (chủ yếu tập trung vào mùa mưa lũ), trung bình phát sinh khoảng 100kg/tháng.

- CTR từ quá trình nạo vét, hạn chế bồi lắng lòng hồ thủy điện:

+ Đối với hoạt động Nạo vét tại các khu vực bồi lắng ảnh hưởng đến dung tích hữu ích hồ chứa công trình, kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét theo hình thức xã hội hóa tại các vị trí đầu nguồn hồ chứa: Tổng khối lượng nạo vét lòng hồ khoảng 1.038.258 m<sup>3</sup>. Trong đó: Khối lượng thanh thải: 9.222,0 m<sup>3</sup>; Khối lượng cát thu hồi làm vật liệu xây dựng thông thường: 1.029.036,0 m<sup>3</sup>.

+ Đối với hoạt động nạo vét định kỳ của Cơ sở: Theo số liệu khảo sát tại khu vực cửa nhận nước và tràn xả lũ thì khối lượng ước tính: 28.485,1m<sup>3</sup>/lần nạo vét. Các khu vực khác sẽ được đánh giá khảo sát cụ thể trước khi nạo vét, Chủ cơ sở phải thực hiện các thủ tục liên quan theo đúng quy định pháp luật liên quan trước khi thực hiện nạo vét và thu hồi vật liệu nạo vét.



### **1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

- Chủng loại: Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau.

- Khối lượng: 30 kg/ngày.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Hợp đồng đơn vị có năng lực để vận chuyển và đưa đi xử lý.

- Tăng cường biện pháp thu gom CTNH, định kỳ đưa đi xử lý đúng quy định.

- Kho chứa CTNH bố trí góc phía Đông Nam khu vực Nhà máy thủy điện, diện tích 16m<sup>2</sup>, bên trong bố trí thùng chứa 120L, bố trí 01 biển báo khu vực nguy hiểm không cho người ngoài ra vào khu vực.

- Trong quá trình bảo dưỡng các thiết bị, máy móc của nhà máy, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Đối với khu vực trạm biến áp 110Kv: Bố trí bạt lót dưới nền các máy biến áp tránh dầu mỡ rò rỉ ra bên ngoài; Trong trường hợp dầu mỡ tại máy biến áp rò rỉ ra bên ngoài, thấm vào lớp đá dăm, sạn trên bề mặt tiến hành bóc lớp đá bị nhiễm dầu, thu gom và đưa đi xử lý.

+ Đối với khu vực nhà vận hành, tuabin: Bố trí bạt lót nền tại khu vực đặt thiết bị bảo dưỡng tránh phát sinh dầu mỡ ra bên ngoài. Thu gom và xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình bảo dưỡng (giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải.....).

Tăng cường nhắc nhở cán bộ của nhà máy thường xuyên vệ sinh, thu gom chất thải trong quá trình hoạt động, bảo dưỡng thiết bị, lưu tại khu vực kho chứa theo đúng quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt**

- CTR từ quá trình nạo vét tại các khu vực bồi lắng ảnh hưởng đến dung tích hữu ích hồ chứa công trình, kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét theo hình thức xã hội hóa tại các vị trí đầu nguồn hồ chứa:

+ Chủ cơ sở phối hợp, hướng dẫn Công ty TNHH Khoáng sản H&H thực hiện theo Giấy phép số 79/GP-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc hoạt động trong phạm vi bảo vệ Công trình thủy lợi - thủy điện Quảng Trị và các thủ tục liên quan theo đúng quy định trước khi thực hiện nạo vét.

+ Đơn vị sau khi được cấp phép nạo vét - Công ty TNHH Khoáng sản H&H, thực hiện nạo vét, tận thu cát sỏi lòng hồ thủy điện Quảng Trị có trách nhiệm bố trí tập kết tạm tại 02 vị trí trong phạm vi bảo vệ lòng hồ (bãi phụ: bãi số 1: 1,5ha; bãi số 2: 0,2ha) kết hợp vận chuyển tới bãi tập kết tạm số 3 (ngoài khu vực lòng hồ - diện tích 0,32ha) và đi tiêu thụ trong trường hợp mực nước trong lòng hồ đạt dưới cao trình + 465,0m. Khi mực nước trong lòng hồ đạt cao trình từ +465,0m đến +480,0m thì vận chuyển trực tiếp đến bãi tập kết tạm số 3 và đi tiêu thụ.



- CTR từ quá trình nạo vét khu vực trước cửa nhận nước và các khu vực khác:

+ Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra mức độ bồi lắng tại lòng hồ để đưa ra phương án nạo vét lòng hồ hợp lý. Dự kiến định kỳ khoảng 05 năm nạo vét/lần, tần suất có thể tăng lên nếu lượng phù sa bồi đắp hàng năm tại khu vực lòng hồ tăng nhằm đảm bảo hiệu quả của hồ chứa.

+ Công ty Thủy điện Quảng Trị lập phương án chi tiết về vị trí tập kết, chứa các loại CTR từ quá trình nạo vét và lập các hồ sơ liên quan trước khi thực hiện nạo vét và chịu trách nhiệm trong suốt quá trình thi công nạo vét, tránh gây ô nhiễm môi trường đến các khu vực xung quanh.

- CTR là thành phần thân, cành các loại cây gỗ tại khu vực lưới chắn rác: hàng năm cho người dân làm củi đốt.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Chủ cơ sở đã bố trí các thùng đựng rác loại 120L bố trí các khu vực thích hợp để thu gom, cụ thể: Nhà máy thủy điện (05 thùng); Nhà quản lý vận hành của cán bộ, nhân viên (10 thùng); Trạm biến áp (01 thùng). Công ty đã hợp đồng với Trung tâm Môi trường và công trình đô thị huyện Hướng Hoá thu gom, xử lý định kỳ 03 ngày/lần.

+ Chất thải hữu cơ (rau, củ, quả dư thừa) cho người dân tận dụng làm thức ăn cho gia súc (chăn nuôi);

+ Chất thải có khả năng tái chế (giấy loại, lon vỏ nước uống....) thu gom và bán cho cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

+ CTRSH còn lại không có khả năng tái chế thực hiện hợp đồng với Trung tâm môi trường và Đô thị huyện Hướng Hóa đưa đi xử lý với tần suất 03 ngày/lần.

**3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:** Không.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ**

- Thành lập đội PCCC, bố trí thiết bị, nội quy và phối hợp với các cơ quan PCCC để tập huấn cho đội và định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội quy đã định.

- Việc phòng chống cháy nổ được thực hiện theo 3 cấp:

+ Tại chỗ: Các thiết bị PCCC như các đầu cảm biến nhiệt, các bình chữa cháy CO<sub>2</sub> được bố trí bên trong khu vực nhà vận hành, trạm biến áp. Tại các trạm biến áp còn được xây dựng các bể chứa nước phục vụ cho việc chữa cháy.

+ Nhà điều hành: Một số thiết bị chữa cháy lưu động và xe chữa cháy được bố trí tại nhà điều hành để tăng cường chữa cháy trong khu vực nhà máy.

+ Lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp: trong trường hợp cần thiết, có thể huy động thêm lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tại địa phương để hỗ trợ.

- Việc thiết kế, lắp đặt, đấu nối vào lưới điện quốc gia sẽ tuân thủ theo các quy định về an toàn điện.



- Công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa khi ra vào khu vực chứa dầu.

- Lắp đặt hệ thống chống sét, thu sét cho toàn bộ nhà máy, tuân theo các yêu cầu kỹ thuật nhằm hạn chế ở mức thấp nhất thiệt hại do sét gây ra, đảm bảo sự an toàn của công trình về lâu dài.

+ Nhà máy và nhà quản lý vận hành được bảo vệ bằng hệ thống kim thu sét đặt trên mái một cách thích hợp.

+ Đối với hệ thống chống sét, cột thu lôi được lắp đặt tại vị trí cao nhất của các công trình, từ cụm công trình đầu mối về đến nhà máy thủy điện. Cột thu lôi phải có chiều cao lớn hơn 15m, điện trở tiếp đất xung kích của hệ thống chống sét phải nhỏ hơn  $10\Omega$  khi điện trở suất của đất  $< 50.000\Omega/\text{cm}^2$  và lớn hơn  $10\Omega$  khi điện trở suất của đất  $> 50.000\Omega/\text{cm}^2$ .

## **2. Giảm thiểu sự cố vỡ đập, sạt lở địa hình gây mất an toàn tại khu vực**

- Công ty tuân thủ nghiêm ngặt quy trình điều tiết nước hồ trong quá trình vận hành hồ chứa được quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 14/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phương án bảo vệ đập Công trình thủy điện Quảng Trị.

- Thường xuyên giám sát về chế độ thủy văn khu vực lòng hồ nhằm đưa ra các dự báo lũ đồng thời thông báo kịp thời cho người dân phía hạ lưu để có phương án di dân kịp thời.

- Kiểm tra thường xuyên các công trình có liên quan đến việc xả tràn như hệ thống đóng mở tràn.

- Cử cán bộ theo dõi diễn biến mực nước hồ chứa, đánh giá độ an toàn đập.

- Điều hành xả lũ thông qua cửa tràn với độ mở hoàn toàn và chạy máy với lưu lượng tối đa qua tuabin trong điều kiện có thể.

## **3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó các sự cố ngập lụt, hạn hán vùng hạ lưu, sự cố vỡ đập, sạt lở địa hình gây mất an toàn tại khu vực**

*\* Giảm thiểu các sự cố ngập lụt, các sự cố vỡ đập, sạt lở địa hình gây mất an toàn tại khu vực*

- Tuân thủ nghiêm ngặt phương án phòng chống lũ cho vùng hạ du đập Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị (phạm vi từ hạ lưu đập đến hợp lưu giữa sông Rào Quán và sông Đakrông) được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 22/12/2014.

- Thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị theo Quyết định số 4067/QĐ-BCT ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị; Quy chế phối hợp về công tác phòng chống lụt bão công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị tại Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 của UBND tỉnh Quảng Trị; Quy chế phối hợp quản lý các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh



Quảng Trị; Biên bản thống nhất nguyên tắc xây dựng, hoàn thiện Cơ chế phối hợp vận hành các hồ chứa trên lưu vực sông Rào Quán (giữa Công trình thủy lợi - thủy điện Quảng Trị và Công trình thủy điện Hạ Rào Quán).

Ngoài ra, để đảm bảo an toàn cho dân cư địa phương, trong quá trình vận hành nhà máy, Công ty thường xuyên có thông báo kịp thời đến chính quyền và người dân trong các trường hợp khẩn để có thể hạn chế tối đa các thiệt hại về người và của có thể xảy ra.

*\* Giảm thiểu các sự cố do hạn hán:*

- Đảm bảo duy trì dòng chảy thường xuyên liên tục trên sông Rào Quán sau van xả tưới thủy lợi, đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 137/GP-BTNMT ngày 09/8/2021 nhằm đảm bảo duy trì hệ sinh thái cho vùng và cấp nước cho hoạt động sinh hoạt sản xuất của người dân.

+ Bảo đảm duy trì lưu lượng xả thường xuyên, liên tục trên sông Rào Quán sau van xả tưới thủy lợi không nhỏ hơn  $0,45 \text{ m}^3/\text{s}$ ; trên suối Pà Rông sau đập PàRông không nhỏ hơn  $0,15 \text{ m}^3/\text{s}$ ; phối hợp với các đơn vị liên quan đảm bảo bổ sung cấp nước tưới cho hạ du thông qua hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn.

+ Thực hiện quan trắc tài nguyên nước theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, trong đó tại nhà máy thực hiện quan trắc tự động, trực tuyến đã được kết nối thành công và truyền chính thức về Trạm trung tâm tiếp nhận và xử lý dữ liệu quan trắc tự động của Sở Tài nguyên và Môi trường, đã được xác nhận tại Văn bản số 1907/STNMT-KSN ngày 26/5/2023.

- Trong trường hợp thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất ở vùng hạ lưu, Công ty sẽ phối hợp chặt chẽ với địa phương và các tổ chức khai thác, sử dụng nước có liên quan để điều chỉnh chế độ vận hành phát điện hoặc xả qua nhà van xả tưới cho phù hợp.

#### **4. Sự cố tai nạn lao động và đuối nước**

Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu như:

- Tổ chức tập huấn an toàn lao động cho toàn bộ công nhân của nhà máy, có những phương án kịp thời ứng cứu nạn nhân khi có sự cố xảy ra.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV như nút tai chống ồn, găng tay, quần áo, giày cách điện, dây đai an toàn khi leo trèo... đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc.

- Đối với công nhân kỹ thuật thường xuyên được đào tạo nâng cao chuyên môn nhằm vận hành tốt và an toàn các thiết bị máy móc;

- Đối với sự cố đuối nước:

+ Trong phạm vi khu vực hồ chứa bố trí các biển cảnh báo nhằm phân vùng an toàn tránh để xảy ra các sự cố đuối nước (nhất là trẻ em) ra vào khu vực tránh xảy ra sự cố trượt ngã xuống hồ.



+ Tại các vị trí dọc lòng hồ có cầu tạo nền đất yếu dễ sạt lở đặt các biển cảnh báo nguy hiểm cảnh báo không để người dân ra vào khu vực.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

1. Thực hiện quan trắc nước thải, khí thải, tiếng ồn độ rung: theo Phụ lục 1, 2, 3.

#### **2. Quan trắc nước mặt**

- Vị trí quan trắc: 01 Vị trí tại lòng hồ thủy điện, phía trước đập chính;
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Thông số quan trắc: pH, DO, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Tổng dầu mỡ, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT.

#### **3. Quan trắc chất thải rắn**

- Vị trí quan trắc: tại kho chứa CTR, CTNH của Nhà máy.
- Thông số quan trắc: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

#### **4. Quan trắc điện từ trường**

- Vị trí quan trắc: 02 Vị trí.
- + 01 vị trí tại khu vực đặt máy phát tại Nhà máy Thủy điện.
- + 01 vị trí tại Trạm biến áp 110kV.
- Thông số quan trắc: Điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 25/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Cơ sở: Công trình Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **16** /GPMT-UBND ngày **28** / **02** /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2. Thực hiện giám sát an toàn sạt lở để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình cơ sở đi vào vận hành.

3. Đảm bảo an toàn trong hành lang bảo vệ lưới điện, lồng hồ thủy điện.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị được cấp phép nạo vét và tận thu vật liệu nạo vét trong lồng hồ thủy điện thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật trước khi thực hiện.

5. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương và các Nhà máy thủy điện khác trên địa bàn để giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành Nhà máy.

6. Đối với các nguồn khí thải không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (nếu có) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

- Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, nhà điều hành do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường gửi báo cáo trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.